THANHCONG Securities
QUALITY MAKES DIFFERENCE

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 13/2026/TCSC/FIN-CV *V/v. Giải trình biến động Lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng Quý 4/2025 so với Quý 4/2024*	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2026*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG
Date: 2026.01.16 16:48:24 +07'00'

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC (SSC)**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (VNX)**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TPHCM (HOSE)**

Căn cứ:

- *Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;*
- *Báo cáo tài chính riêng Quý 4/2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công.*

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công giải trình về biến động kết quả kinh doanh theo Báo cáo kết quả hoạt động riêng Quý 4/2025 so với Quý 4/2024, cụ thể như sau:

1. Tình hình kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Quý 4/2025	Quý 4/2024	Biến động (+/-)	Biến động (%)
1	*2*	*3*	*4=(2-3)*	*5=4/3*
Tổng Doanh thu	**85.004.132.661**	**39.582.094.732**	**45.422.037.929**	**114,8%**
Trong đó hạng mục doanh thu chính:				
- Lãi từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	36.475.872.080	2.157.403.105	34.318.468.975	1590,7%
- Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	14.249.440.448	5.798.513.202	8.450.927.246	145,7%
- Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	578.250.000	4.582.572.000	(4.004.322.000)	-87,4%
- Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	8.194.211.700	6.516.135.015	1.678.076.685	25,8%
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	24.862.602.730	19.670.106.212	5.192.496.518	26,4%
- Doanh thu hoạt động tài chính	488.123.361	465.106.826	23.016.535	4,9%

Tổng Chi phí	**194.218.194.553**	**41.566.179.423**	**152.652.015.130**	**367,3%**
Trong đó hạng mục chi phí chính:				
- Chi phí hoạt động kinh doanh	185.852.935.342	26.247.472.364	159.605.462.978	608,1%
- Chi phí tài chính	(3.244.032.310)	5.101.945.622	(8.345.977.932)	163,6%
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.966.291.521	9.650.294.037	1.315.997.484	13,6%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	**(109.214.061.892)**	**(1.984.084.691)**	**(107.229.977.201)**	**5404,5%**
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**(88.055.259.919)**	**(880.055.754)**	**(87.175.204.165)**	**9905,6%**

2. Nguyên nhân biến động

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) Quý 4/2025 lỗ hơn 88 tỷ đồng, tăng 9.905,6% so với Quý 4/2024 (lỗ 0,9 tỷ đồng), sự biến động chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Về doanh thu:
  Tổng doanh thu Quý 4/2025 đạt 85 tỷ đồng, tăng 45,4 tỷ đồng (tương ứng tăng 114,8%) so với Quý 4/2024 (39,6 tỷ đồng), trong đó chủ yếu do:
  - Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) tăng 34,3 tỷ đồng (1.590,7%);
  - Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) tăng 8,5 tỷ đồng (145,7%);
  - Lãi từ các khoản cho vay và phải thu, doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán và doanh thu hoạt động tài chính lần lượt tăng 26,4%, 25,8% và 4,9%.

- Về chi phí:
  Tổng chi phí Quý 4/2025 là 194,2 tỷ đồng, tăng 152,7 tỷ đồng (tương ứng 367,3%) so với cùng kỳ, chủ yếu do:
  - Chi phí hoạt động kinh doanh tăng đột biến 159,6 tỷ đồng (608,1%);
  - Chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp lần lượt tăng 163,6% và 13,6%.

- Do tổng chi phí tăng mạnh hơn mức tăng của doanh thu, nên kết quả dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 4/2025 lỗ hơn 88 tỷ đồng, tăng 9.905,6% so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu: Văn thư, FIN.*

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ĐỨC HIẾU